

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2023/DS-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Quân

2. Bà Đỗ Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 749/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5139/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5611/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Lâm Phương T; Địa chỉ: số B Cao Ốc H, số C B, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà La Ngọc L; Địa chỉ: C khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà La Ngọc L: Ông Lâm Phương T - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/4/2022).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1; Địa chỉ: 6 P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L có ông Lâm Phương Triều đại d điều trình bày:

Do quen biết từ trước nên ông và vợ là bà La Ngọc L có cho ông Nguyễn Thanh T1 vay tiền theo các giấy vay tiền sau:

Lần 1: Vào ngày 07/01/2020, ông Nguyễn Thanh T1 vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền (07/01/2020), lãi suất là 3%/tháng.

Lần 2: Vào ngày 07/01/2020, ông Nguyễn Thanh T1 vay tổng số tiền là 2.058.000.000 đồng với lịch thanh toán như sau: thanh toán 812.000.000 đồng khi có giấy phép gia hạn; thanh toán 550.000.000 đồng vào ngày 31/3/2020; thanh toán 696.000.000 đồng vào ngày 12/02/2020 (với lãi suất 1.5%/tháng), hạn thanh toán đến hết ngày 12/3/2020 (với lãi suất 3%/tháng).

Trường hợp ông T1 không thanh toán đúng hạn nêu trên sẽ phải chịu lãi suất là 3%/tháng.

Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán ông T1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay cho vợ chồng ông mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ nhưng ông T1 cố tình trốn tránh, không thực hiện.

Vì vậy để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mình, vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông tổng số tiền vay của 02 giấy vay tiền vào ngày 07/01/2020 là 2.258.000.000 đồng. Đồng thời do ông Nguyễn Thanh T1 không thực hiện việc thanh toán đúng hạn nên yêu cầu ông T1 phải thanh toán cho vợ chồng ông tiền lãi suất chậm trả phát sinh từ ngày 01/4/2020 đến ngày ông T1 trả hết nợ gốc cho vợ chồng ông với lãi suất là 1.5%/tháng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tạm tính đến ngày 01/6/2023 là 38 tháng là: $2.258.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng} = 1.287.060.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng ông Nguyễn Thanh T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lâm Phương T, bà La Ngọc L là 3.545.060.000 đồng, trong đó nợ gốc: 2.258.000.000 đồng, lãi: 1.287.060.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lâm Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 thanh toán tiền nợ gốc, lãi theo các giấy vay tiền ngày 07/01/2020 với tổng số tiền là 3.612.800.000 đồng trong đó nợ gốc là 2.258.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 1.354.800.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo đối chất, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Thanh T1 nhưng ông Nguyễn Thanh T1 đều không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, để đối chất với nguyên đơn các nội dung vụ án nếu có mâu thuẫn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có ý kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 thanh toán tiền nợ gốc, lãi còn nợ theo các giấy vay tiền đã ký kết giữa các bên. Do đó xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T1 có hộ khẩu thường trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ; thông báo đối chất nhưng vẫn không có mặt để tiến hành đối chất và cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay các khoản tiền theo các giấy vay tiền sau:

Lần 1: Vào ngày 07/01/2020, ông Nguyễn Thanh T1 vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền (07/01/2020).

Lần 2: Vào ngày 07/01/2020, ông Nguyễn Thanh T1 vay tổng số tiền là 2.058.000.000 đồng với lịch thanh toán như sau: thanh toán 812.000.000 đồng khi có giấy phép gia hạn; thanh toán 550.000.000 đồng vào ngày 31/3/2020; thanh toán 696.000.000 đồng vào ngày 12/02/2020, hạn thanh toán đến hết ngày 12/3/2020.

[5] Căn cứ vào kết luận giám định số 2505/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của P - Bộ C xác định: “Chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Thanh T1 dưới mục Bên vay trên các tài liệu cần giám định (02 giấy vay tiền cùng đề ngày 07/01/2020 – A1, A2) so với chữ viết chữ ký dùng làm mẫu so sánh đúng tên Nguyễn Thanh T1 trên các tài liệu (Phiếu thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 19/01/2021 – M1; Phiếu thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 26/12/2016 – M2; Phiếu thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu – M3; Tờ khai thay đổi thông tin cư trú ngày 19/01/2022 – M4) là do cùng một người viết, ký ra”.

Như vậy, đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Thanh T1 có vay của vợ chồng ông Lâm Phương T – bà La Ngọc L tổng số tiền nợ gốc là 2.258.000.000 đồng.

[6] Căn cứ 02 giấy vay tiền cùng đề ngày 07/01/2020 xác định thời hạn các bên thỏa thuận thanh toán lần lượt là 07/02/2020; 12/02/2020, 12/3/2020, 31/3/2020. Tuy nhiên từ khi hết thời hạn thanh toán đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán tổng số tiền nợ gốc đã vay cho nguyên đơn.

[7] Xét, từ các mục [4], [5], [6] có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[8] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 01/4/2020 tạm tính đến ngày 01/8/2023 (40 tháng), lãi suất 1.5%/tháng với số tiền là 1.354.800.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại 02 giấy vay tiền đề ngày 07/01/2020, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng tương đương 36%/năm. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn nhận thấy mức lãi suất theo các giấy vay tiền là vượt quá quy định của pháp luật nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 1.5%/tháng tương đương 18%/năm.

Xét, tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “...Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Như vậy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1.5%/tháng tương đương 18%/năm thấp hơn so với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Do đó số tiền lãi bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 01/8/2023 là: 2.258.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 40 tháng = 1.354.800.000 đồng.

[9] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, như nhận định tại mục [6] thì khoản nợ vay đã quá thời hạn thanh toán và đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện thanh toán tiền cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán. Do đó để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được chấp nhận và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L tổng số tiền còn nợ theo các giấy vay tiền đề ngày 07/01/2020 là 3.612.800.000 (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc 2.258.000.000 (Hai tỷ hai trăm năm mươi tám triệu) đồng, tiền lãi 1.354.800.000 (Một tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 104.256.000 (Một trăm lẻ bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm Phương T và bà La Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.303.000 (Bốn mươi bảy triệu ba trăm lẻ ba nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0008792 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND Q.1;
- Chi cục THA DS Q.4;
- Chi cục THA DS Q.1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương